

HỒI HƯỚNG CHƯ THIÊN

Ākāsa-tṭhā ca bhumma-tṭhā Devā Nāgā mah'iddhikā
Puññaṃ no anumodantu ciraṃ rakkhantu **sāsanaṃ**

Ākāsa-tṭhā ca bhumma-tṭhā Devā Nāgā mah'iddhikā
Puññaṃ no anumodantu ciraṃ rakkhantu **no garū**

Ākāsa-tṭhā ca bhumma-tṭhā Devā Nāgā mah'iddhikā
Puññaṃ no anumodantu ciraṃ rakkhantu **ñatayo**

Ākāsa-tṭhā ca bhumma-tṭhā Devā Nāgā mah'iddhikā
Puññaṃ no anumodantu ciraṃ rakkhantu **Pānino**

Ākāsa-tṭhā ca bhumma-tṭhā Devā Nāgā mah'iddhikā
Puññaṃ no anumodantu ciraṃ rakkhantu **no sadā**

Dịch nghĩa:

*Chư Thiên, Long Vương có đại thần lực ở trên hư không và trên địa cầu. Hãy hoan hỷ với phước của chúng tôi. Cầu xin (các vị) thường hộ trì cho **Giáo pháp** (của Đức Phật) được lâu dài.*

Thầy tổ

Quyển thuộc

Chúng sanh

Chúng tôi.

Chư Thiên ngự trên hư không,
Địa cầu thượng ngự rõ thông mọi điều.
Long Vương thần lực có nhiều,
Đồng xin hoan hỷ phước đều chúng con.
Hộ trì Phật giáo tăng bồi,
Các bậc Thầy tổ an vui lâu dài.
Quyến thuộc tránh khỏi nạn tai,
Chúng sanh được hưởng phước dài bền lâu.
Chúng con vui thú đạo mầu,
Tu hành tin tấn ngõ hầu vô sanh.

Ngữ vựng:

Ākāsa:	<i>hư không, bầu trời</i>
Ākāsa-tṭhā:	<i>ở trên không</i>
Mah'iddhikā :	<i>đại thần lực</i>
(mahā+iddhikā)	
Puñña:	<i>phước</i>
Anumodati:	<i>tuỳ hỷ</i>
Ciraṃ:	<i>lâu dài</i>
Rakkhati:	<i>hộ trì, bảo vệ</i>
Sāsana:	<i>lời dạy, giáo pháp</i>
Rājā:	<i>vua, quốc vương</i>
Ñāti:	<i>quyến thuộc</i>
Ṭhā (tiṭṭhati):	<i>ở</i>
Ṭhāna:	<i>chỗ</i>
No:	<i>của chúng tôi</i>